



Ký bởi: BỘ QUỐC PHÒNG
Ngày ký: 26-03-2025
15:34:56 +07:00

BỘ QUỐC PHÒNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1100 /QĐ-BQP

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, vật tiêu hao, dịch vụ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý Thuế, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh; Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng; Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của đồng chí Cục trưởng Cục Tài chính Bộ Quốc phòng tại Văn bản số: 1179 /TTr-CTC ngày 25 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp 2, cấp 3, cấp 4 (quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh) và doanh nghiệp quyết định việc mua sắm đối với:

a) Tài sản công là tài sản chuyên dùng và tài sản phục vụ công tác quản lý quy định tại điểm b, c khoản 2 và các điểm b, c, d khoản 3 Điều 64 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Điều 5, Điều 6 Thông tư số 318/2017/TT-BQP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định danh mục tài sản chuyên dùng, tài sản phục vụ công tác quản lý và hệ thống sổ sách, mẫu biểu theo dõi tài sản chuyên dùng, tài sản phục vụ công tác quản lý trong Bộ Quốc phòng; tài sản trang bị để triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trong Bộ Quốc phòng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ (sau đây viết gọn là tài sản công) theo quy định tại Điều 3, Điều 66 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2, khoản 48 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ;

b) Vật tiêu hao là tài sản công, dịch vụ phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp (sau đây viết gọn là vật tiêu hao, dịch vụ) theo quy định tại Điều 3a Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017, được bổ sung tại khoản 3, khoản 48 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ và khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ;

c) Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn ngân sách nhà nước chi thường xuyên cho quốc phòng (sau đây viết gọn là hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin) theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-

CP ngày 05 tháng 9 năm 2019, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 28 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

2. Quyết định này không quy định về thẩm quyền quyết định đối với:

a) Mua sắm tài sản công là trang bị kỹ thuật thuộc tài sản đặc biệt (còn gọi là trang bị nhóm 1 theo quy định tại Thông tư số 97/2024/TT-BQP ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định danh mục vũ khí quân dụng và xây dựng, quản lý, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng);

b) Mua sắm tài sản công, trang thiết bị, vật tiêu hao theo tiêu chuẩn đặc thù các ngành hoặc theo tiêu chuẩn, chế độ, định mức để bảo đảm cho toàn quân được quy định tại các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (mua sắm tập trung cấp phát hiện vật);

c) Mua hàng dự trữ quốc gia;

d) Mua tài sản là nhà, công trình, đất;

đ) Mua sắm tài sản công, vật tiêu hao, dịch vụ quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này sử dụng nguồn vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

e) Mua sắm tài sản công, vật tiêu hao, dịch vụ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin quy định tại khoản 1 Điều này lập thành dự án đầu tư sử dụng nhiều nguồn vốn, không có nguồn vốn đầu tư công;

g) Mua sắm tài sản công, vật tiêu hao, dịch vụ quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này sử dụng toàn bộ nguồn ngân sách địa phương (thực hiện theo quy định của địa phương);

h) Mua sắm tài sản công, vật tiêu hao, dịch vụ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin quy định tại khoản 1 Điều này tại cơ quan Việt Nam ở nước ngoài;

i) Mua sắm hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Bộ Quốc phòng quản lý thuộc cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng (bao gồm cả Ban Cơ yếu Chính phủ) được giao nhiệm vụ thực hiện mua sắm tài sản công, vật tiêu hao, dịch vụ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động mua sắm tài sản công, vật tiêu hao, dịch vụ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong Bộ Quốc phòng.

Điều 3. Nguồn kinh phí mua sắm

1. Nguồn kinh phí mua sắm tài sản công, vật tiêu hao, dịch vụ gồm:

a) Nguồn ngân sách nhà nước chi thường xuyên cho quốc phòng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao trong dự toán

chi ngân sách nhà nước hàng năm của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp (bao gồm cả nguồn bổ sung trong năm);

b) Nguồn vốn ngân sách nhà nước chi sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trong trường hợp thực hiện theo hình thức không lập thành dự án;

c) Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại được cân đối trong chi thường xuyên ngân sách nhà nước; nguồn viện trợ không hoàn lại của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước thuộc ngân sách nhà nước (trừ trường hợp Điều ước quốc tế về ODA mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác);

d) Nguồn ngân sách địa phương chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc lĩnh vực quốc phòng (trừ trường hợp sử dụng ngân sách địa phương hỗ trợ toàn bộ kinh phí để mua sắm quy định tại điểm g khoản 2 Điều 1 Quyết định này);

đ) Nguồn thu từ phí, lệ phí được khấu trừ hoặc để lại theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí;

e) Nguồn thu theo Quy chế phân phối nguồn thu từ kết quả hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế và hoạt động có thu khác của các đơn vị trong Bộ Quốc phòng ban hành kèm theo Quyết định số 4044/QĐ-BQP ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 6088/QĐ-BQP ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

f) Nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Nguồn kinh phí mua sắm hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin từ nguồn ngân sách nhà nước chi thường xuyên cho quốc phòng.

3. Việc mua sắm tài sản công, vật tiêu hao, dịch vụ và hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm một (01) nhiệm vụ được giao quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Quyết định này thì thực hiện như sau:

a) Trường hợp sử dụng nguồn vốn quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và nguồn ngân sách địa phương thì thẩm quyền quyết định mua sắm thực hiện theo quy định tại Quyết định này;

b) Trường hợp sử dụng nhiều nguồn vốn trong đó có nguồn vốn đầu tư công thì thẩm quyền quyết định mua sắm thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

Điều 4. Căn cứ ban hành và yêu cầu khi quyết định mua sắm tài sản công, vật tiêu hao, dịch vụ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin

1. Căn cứ ban hành quyết định mua sắm

a) Biên chế tài sản, trang bị quân sự của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp;

b) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công (nếu có);

c) Nhiệm vụ được giao mua sắm tài sản công, vật tiêu hao, dịch vụ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin (gồm: Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa công trình

trong các dự án đã đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản, trang thiết bị để bổ sung, thay mới hoặc sửa chữa, nâng cấp máy móc, trang thiết bị làm việc) không lập thành dự án để phục vụ hoạt động thường xuyên, công tác quản lý của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan được cấp trên giao cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực tiếp quản lý, sử dụng dự toán ngân sách nhà nước và kinh phí khác để thực hiện mua sắm tài sản công, vật tiêu hao, dịch vụ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin theo năm ngân sách.

2. Yêu cầu khi quyết định mua sắm

a) Phục tùng sự lãnh đạo của cấp ủy đảng cùng cấp theo Quy chế lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác tài chính trong Quân đội nhân dân Việt Nam;

b) Thực hiện phân cấp, phân quyền;

c) Đúng thẩm quyền theo quy định tại Quyết định này;

d) Trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước giao Bộ Quốc phòng hoặc cấp trên giao cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực tiếp quản lý, sử dụng hằng năm và nguồn thu hợp pháp hiện có của các cơ quan, đơn vị được phép sử dụng mua sắm theo quy định của pháp luật. Trường hợp cần thiết, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp chưa được cấp trên giao dự toán ngân sách nhà nước thì phải được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt tạm cấp ngân sách hoặc ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau hoặc tạm ứng kinh phí theo quy định của pháp luật để thực hiện mua sắm;

đ) Yêu cầu khác liên quan.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản công, vật tiêu hao, dịch vụ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định đối với:

a) Nhiệm vụ mua sắm tài sản công, vật tiêu hao, dịch vụ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin được cấp có thẩm quyền phân cấp, ủy quyền, giao cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện;

b) Nhiệm vụ được giao mua sắm tài sản thuộc danh mục tài sản mua sắm tập trung cấp quốc gia, danh mục tài sản mua sắm tập trung cấp Bộ Quốc phòng;

c) Nhiệm vụ được giao mua sắm tài sản công, vật tiêu hao, dịch vụ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin có tổng dự toán kinh phí thực hiện từ 45 tỷ đồng/nhiệm vụ được giao trở lên.

2. Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp 2, cấp 3, cấp 4 quyết định nhiệm vụ được giao mua sắm tài sản công, vật tiêu hao, dịch vụ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin ngoài quy định tại khoản 1 Điều này từ nguồn kinh phí mua sắm quy định tại Điều 3 Quyết định này giao cho đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng như sau:

a) Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp 2 quyết định đối với nhiệm vụ được giao mua sắm tài sản công, vật tiêu hao, dịch vụ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin có tổng dự toán kinh phí thực hiện dưới 45 tỷ đồng/nhiệm vụ được giao;

b) Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp 3 quyết định đối với nhiệm vụ được giao mua sắm tài sản công, vật tiêu hao, dịch vụ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin có tổng dự toán kinh phí thực hiện dưới 15 tỷ đồng/nhiệm vụ được giao;

c) Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp 4 quyết định đối với nhiệm vụ được giao mua sắm tài sản công, vật tiêu hao, dịch vụ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin có tổng dự toán kinh phí thực hiện dưới 05 tỷ đồng/nhiệm vụ được giao;

d) Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp 3 trực thuộc đơn vị dự toán cấp 1 quyết định đối với nhiệm vụ được giao mua sắm tài sản công, vật tiêu hao, dịch vụ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định tại điểm a khoản này;

đ) Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp 4 trực thuộc đơn vị dự toán cấp 2 quyết định đối với nhiệm vụ được giao mua sắm tài sản công, vật tiêu hao, dịch vụ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định tại điểm b khoản này.

3. Chủ tịch Công ty quyết định hoặc phân cấp cho Tổng Giám đốc (Giám đốc) Công ty thuộc Bộ Quốc phòng quyết định đối với nhiệm vụ mua sắm tài sản công, vật tiêu hao, dịch vụ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin ngoài quy định tại khoản 1 Điều này từ nguồn ngân sách nhà nước giao doanh nghiệp trực tiếp quản lý, sử dụng theo Quy chế tài chính Công ty.

4. Mẫu quyết định phê duyệt nhiệm vụ được giao mua sắm tài sản công, vật tiêu hao, dịch vụ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại Phụ lục I kèm theo và ví dụ về thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, vật tiêu hao, dịch vụ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại Phụ lục II kèm theo.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản trang bị, vật tiêu hao, dịch vụ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước

1. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản trang bị, vật tiêu hao, dịch vụ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin thuộc phần kinh phí được giao khoán của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước (bao gồm cả nhiệm vụ khoán chỉ từng phần và nhiệm vụ khoán chỉ đến sản phẩm cuối cùng), các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân chủ trì chịu trách nhiệm thực hiện việc mua sắm mà không phải áp dụng quy định tại Luật Đấu thầu và Nghị định số 24/2024/NĐ-CP nhưng phải bảo đảm chế độ hóa đơn, chứng từ đầy đủ theo quy định của pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 134 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản trang bị, vật tiêu hao, dịch vụ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin thuộc phần kinh phí không được giao khoán của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện như sau:

a) Thủ trưởng đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đơn vị có con dấu, tài khoản riêng) quyết định và chịu trách nhiệm thực hiện việc mua sắm tài sản trang bị, vật tiêu hao, dịch vụ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin thuộc phần kinh phí không được giao khoán của nhiệm vụ khoa

học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, nhưng không vượt quá tổng kinh phí mua sắm của nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Trường hợp đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có con dấu và tài khoản riêng thì Thủ trưởng đơn vị chủ quản nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định việc mua sắm tài sản trang bị, vật tiêu hao, dịch vụ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Mẫu quyết định phê duyệt nhiệm vụ được giao và ví dụ về thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản trang bị, vật tiêu hao, dịch vụ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Quyết định này.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Người có thẩm quyền quyết định quy định tại Điều 5 và Điều 6 Quyết định này thực hiện việc mua sắm tài sản công, vật tiêu hao, dịch vụ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu, Quyết định này và pháp luật khác có liên quan bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về quyết định của mình trên cơ sở bảo đảm công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng từ năm tài chính 2025.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp phản ánh kịp thời về Bộ Quốc phòng (qua Cục Tài chính) để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Các đồng chí Lãnh đạo Bộ Quốc phòng;
- Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Bộ;
- Kho bạc Nhà nước;
- Công TTĐT BQP (để đăng tải);
- Thanh tra/BQP, Kiểm toán/BQP;
- C41, C60, C19;
- Vụ Pháp chế/BQP;
- Lưu: VT, THBD.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Thượng tướng Vũ Hải Sản

Phụ lục I

(Kèm theo Quyết định số 1100/QĐ-BQP ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

TÊN CQ, ĐƠN VỊ, DN CẤP TRÊN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CQ, ĐƠN VỊ, DN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nhiệm vụ được giao mua sắm
cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp...

THẨM QUYỀN BAN HÀNH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng; Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng; (hoặc Quyết định số /QĐ-... ngày ... tháng ... năm ... của ... quy định chức năng, nhiệm vụ của);

Căn cứ Thông tư số..... quy định vềbiên chế tài sản, trang bị quân sự, tiêu chuẩn, định mức tài sản trang bị, hao mòn, khấu hao tài sản cố định ...;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-BQP ngày ...tháng ... năm.... của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, vật tiêu hao, dịch vụ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-... ngày ... tháng ... năm... của(cấp trên trực tiếp giao dự toán ngân sách cho đơn vị) về việc giao dự toán ngân sách nămcho

Căn cứ Quyết nghị (hoặc Kết luận) số ngày ... tháng ... năm... của(Đảng ủy cùng cấp) về việc quản lý, sử dụng dự toán ngân sách nămcủa

Theo đề nghị của tại Tờ trình số:ngày...tháng ... năm... của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ được giao mua sắmcho cơ quan (hoặc đơn vị, doanh nghiệp) thực hiện với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên cơ quan (hoặc đơn vị, doanh nghiệp) thực hiện mua sắm tài sản công, vật tiêu hao, dịch vụ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Danh mục.....: Số lượng, chủng loại, xuất xứ đề xuất mua/Số lượng theo biên chế tài sản hoặc tiêu chuẩn, định mức (nếu có).

3. Dự toán kinh phí thực hiện; nguồn kinh phí (nguồn ngân sách nhà nước chi thường xuyên cho quốc phòng, nguồn khác (nếu có)). Trong đó, nêu rõ dự toán kinh phí mua sắm đối với từng loại tài sản công, vật tiêu hao, dịch vụ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin; thời gian nghiệm thu, cấp phát kinh phí, thanh toán tiền mua sắm theo tiến độ thực hiện nhiệm vụ.

4. Thời gian thực hiện: Từ ngày .. tháng .. năm đến ngày .. tháng .. năm

5. Các nội dung khác (nếu có).

(Trường hợp Quyết định phê duyệt nhiệm vụ đối với nhiều cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện cần thể hiện đầy đủ các nội dung nêu trên đối với từng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Điều 3. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành:

Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu: VT, .

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp)

Cấp bậc, họ và tên của người ký

Phụ lục II

(Kèm theo Quyết định số 1100/QĐ-BQP ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

Một số ví dụ về thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, vật tiêu hao, dịch vụ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin đối với dự toán ngân sách được giao

Ví dụ 1: (tại Bộ Tổng Tham mưu)

I. Tình hình phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước

Triển khai, thực hiện Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc giao dự toán ngân sách (DTNS) năm 2025, Bộ Tổng Tham mưu được giao DTNS thực hiện mua sắm tài sản công, vật tiêu hao, dịch vụ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) là 600 tỷ đồng.

1. Tổng Tham mưu trưởng (đơn vị dự toán cấp 2) quyết định phân bổ, giao DTNS như sau: Giao DTNS cho các đơn vị trực thuộc thực hiện mua sắm là 600 tỷ đồng, trong đó: (1) Giao DTNS cho Văn phòng Bộ Quốc phòng là 70 tỷ đồng; (2) Giao DTNS cho Cục Tác chiến điện tử là 150 tỷ đồng.

2. Chánh Văn phòng Bộ Quốc phòng (đơn vị dự toán cấp 3 trực thuộc đơn vị dự toán cấp 2 và không có đơn vị dự toán cấp 4) quyết định sử dụng DTNS được giao như sau: (1) Phòng Bảo mật Lưu trữ mua sắm và lắp đặt hệ thống màn hình LED trong nhà và ngoài sảnh Tòa nhà Văn phòng Bộ với DTNS là 45 tỷ đồng và sửa chữa hệ thống cửa ra vào Tòa nhà Văn phòng Bộ (sửa chữa) với DTNS là 21 tỷ đồng; (2) Phòng Hành chính mua sắm vật tư, văn phòng phẩm... (vật tiêu hao) phục vụ Văn phòng với DTNS là 04 tỷ đồng.

3. Cục trưởng Cục Tác chiến điện tử (đơn vị dự toán cấp 3)/Bộ Tổng Tham mưu quyết định phân bổ, giao DTNS như sau:

a) Giao DTNS tại bản thân là 20 tỷ đồng, trong đó, quyết định sử dụng DTNS tại bản thân như sau: (1) Phòng Tham mưu sửa chữa máy móc, trang thiết bị khí tài... (dịch vụ) phục vụ diễn tập của cơ quan với DTNS là 16 tỷ đồng; (2) Phòng Hậu cần - Kỹ thuật mua sắm thiết bị liên lạc vô tuyến thay thế các thiết bị hiện có để truyền nhận thông tin, dữ liệu (Hoạt động ứng dụng CNTT) phục vụ công tác huấn luyện với DTNS là 04 tỷ đồng.

b) Giao DTNS cho các đơn vị trực thuộc trực tiếp quản lý, sử dụng là 130 tỷ đồng, trong đó: Giao DTNS cho Lữ đoàn 87 là 60 tỷ đồng.

4. Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn 87 (đơn vị dự toán cấp 4 trực thuộc đơn vị dự toán cấp 3)/Cục Tác chiến điện tử/BTTM quyết định sử dụng DTNS được giao như sau: (1) Phòng Hậu cần - Kỹ thuật thực hiện mua sắm dụng cụ, trang thiết bị... (tài sản công) phục vụ diễn tập với DTNS là 45 tỷ đồng; (2) Phòng Tham mưu bảo trì, sửa chữa hệ thống thông tin truyền dẫn liên lạc (Hoạt động ứng dụng CNTT) cho cơ quan Lữ đoàn với DTNS là 11 tỷ đồng và mua sắm nguyên liệu, vật tư, văn phòng phẩm... (vật tiêu hao) cho cơ quan Lữ đoàn với DTNS là 04 tỷ đồng.

II. Về thẩm quyền quyết định mua sắm

Theo quy định tại Quyết định số /QĐ-BQP ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thì thẩm quyền quyết định mua sắm như sau:

1. Tại Văn phòng Bộ Quốc phòng:

a) Thẩm quyền quyết định mua sắm và lắp đặt hệ thống màn hình LED trong nhà và ngoài sảnh Tòa nhà Văn phòng Bộ với DTNS được giao 45 tỷ đồng thuộc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (Chánh Văn phòng Bộ Quốc phòng có trách nhiệm trình Bộ Tổng Tham mưu thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt nhiệm vụ mua sắm);

b) Thẩm quyền quyết định sửa chữa hệ thống cửa ra vào Tòa nhà Văn phòng Bộ (dịch vụ) với DTNS được giao 21 tỷ đồng thuộc Tổng Tham mưu trưởng (Chánh Văn phòng Bộ Quốc phòng có trách nhiệm trình Tổng Tham mưu trưởng phê duyệt nhiệm vụ mua sắm);

c) Thẩm quyền quyết định mua sắm vật tư, văn phòng phẩm... (vật tiêu hao) phục vụ Văn phòng Bộ với DTNS được giao 04 tỷ đồng thuộc Chánh Văn phòng Bộ Quốc phòng (Trưởng phòng Hành chính có trách nhiệm trình Chánh Văn phòng Bộ Quốc phòng phê duyệt nhiệm vụ mua sắm).

2. Tại Cục Tác chiến điện tử/BTTM:

a) Thẩm quyền quyết định sửa chữa máy móc, trang thiết bị khí tài... (dịch vụ) phục vụ diễn tập của cơ quan với DTNS được giao 16 tỷ đồng thuộc Tổng Tham mưu trưởng (Cục trưởng Cục Tác chiến điện tử/BTTM có trách nhiệm trình Tổng Tham mưu trưởng phê duyệt nhiệm vụ mua sắm);

b) Thẩm quyền quyết định mua sắm thiết bị liên lạc vô tuyến thay thế các thiết bị hiện có để truyền nhận thông tin, dữ liệu (Hoạt động ứng dụng CNTT) phục vụ công tác huấn luyện với DTNS được giao 04 tỷ đồng thuộc thẩm quyền của Cục trưởng Cục Tác chiến điện tử/BTTM (Trưởng phòng Hậu cần - Kỹ thuật có trách nhiệm trình Cục trưởng Cục Tác chiến điện tử/BTTM phê duyệt nhiệm vụ mua sắm).

3. Tại Lữ đoàn 87/Cục Tác chiến điện tử/BTTM:

a) Thẩm quyền quyết định mua sắm dụng cụ, trang thiết bị ... (tài sản công) phục vụ diễn tập với DTNS được giao 45 tỷ đồng thuộc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn 87 có trách nhiệm trình Cục trưởng Cục Tác chiến điện tử, trình Tổng Tham mưu trưởng thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt nhiệm vụ mua sắm);

b) Thẩm quyền quyết định bảo trì, sửa chữa hệ thống thông tin truyền dẫn liên lạc (Hoạt động ứng dụng CNTT) cho cơ quan Lữ đoàn với DTNS được giao 11 tỷ đồng thuộc Cục trưởng Cục Tác chiến điện tử/BTTM (Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn 87 có trách nhiệm trình Cục trưởng Cục Tác chiến điện tử/BTTM phê duyệt nhiệm vụ mua sắm);

c) Thẩm quyền quyết định mua sắm nguyên liệu, vật tư, văn phòng phẩm...(vật tiêu hao) cho cơ quan Lữ đoàn với DTNS được giao 04 tỷ đồng thuộc

Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn 87 (Trưởng phòng Tham mưu có trách nhiệm trình Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn 87 phê duyệt nhiệm vụ mua sắm).

Ví dụ 2 (tại BTL Quân khu 2):

I. Tình hình phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước

Triển khai, thực hiện Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc giao DTNS năm 2025, BTL Quân khu 2 được giao DTNS thực hiện mua sắm tài sản công, vật tiêu hao, dịch vụ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) là 400 tỷ đồng.

1. Tư lệnh Quân khu 2 (đơn vị dự toán cấp 2) quyết định phân bổ, giao DTNS như sau:

a) Giao DTNS tại bản thân là 60 tỷ đồng, trong đó, quyết định sử dụng DTNS tại bản thân như sau: Giao Văn phòng Quân khu thực hiện sửa chữa hệ thống thang máy, hệ thống điện chiếu sáng trong nhà... (dịch vụ) cho Sở Chỉ huy Quân khu với DTNS là 45 tỷ đồng và mua sắm thiết bị CNTT không cần lắp đặt phục vụ công tác của đơn vị (Hoạt động ứng dụng CNTT) cho Văn phòng Bộ Tư lệnh với DTNS là 15 tỷ đồng;

b) Giao DTNS cho các đơn vị trực thuộc thực hiện mua sắm là 340 tỷ đồng, trong đó: (1) Bộ CHQS tỉnh Phú Thọ là 30 tỷ đồng; (2) Lữ đoàn Thông tin 604 là 50 tỷ đồng.

2. Chỉ huy trưởng Bộ CHQS tỉnh Phú Thọ (đơn vị dự toán cấp 3)/QK2 quyết định phân bổ, giao DTNS như sau:

a) Giao DTNS tại bản thân là 10 tỷ đồng, trong đó, quyết định sử dụng DTNS tại bản thân như sau: Giao Phòng Tham mưu mua sắm điều hòa, máy photocopy ... (tài sản công) cho cơ quan Bộ CHQS tỉnh với DTNS là 10 tỷ đồng;

b) Giao DTNS cho các Ban CHQS huyện trực thuộc thực hiện mua sắm là 20 tỷ, trong đó: Giao DTNS cho Ban CHQS huyện Lâm Thao là 07 tỷ đồng.

3. Chỉ huy trưởng Ban CHQS huyện Lâm Thao (đơn vị dự toán cấp 4)/Bộ CHQS tỉnh Phú Thọ/QK2 quyết định sử dụng DTNS được giao như sau: (1) Ban Tham mưu sửa chữa máy móc, thiết bị... (dịch vụ) của Hội trường với DTNS là 06 tỷ đồng; (2) Ban Hậu cần - Kỹ thuật mua sắm vật liệu, nhiên liệu, văn phòng phẩm... (vật tiêu hao) phục vụ cơ quan với DTNS là 01 tỷ đồng.

4. Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn Thông tin 604 (đơn vị dự toán cấp 4 trực thuộc đơn vị dự toán cấp 2)/QK2 quyết định sử dụng DTNS được giao như sau: (1) Phòng Hậu cần - Kỹ thuật thực hiện mua sắm bàn, ghế làm việc, tủ đựng tài liệu... (tài sản công) cho Cơ quan Lữ đoàn với DTNS là 46 tỷ đồng; (2) Phòng Tham mưu mua sắm phần mềm thương mại (bao gồm cập nhật bản quyền phần mềm thương mại)... (Hoạt động ứng dụng CNTT) cho cơ quan Lữ đoàn với DTNS là 04 tỷ đồng.

II. Về thẩm quyền quyết định mua sắm

Theo quy định tại Quyết định số /QĐ-BQP ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thì thẩm quyền quyết định mua sắm như sau:

1. Tại BTL Quân khu 2:

a) Thẩm quyền quyết định sửa chữa hệ thống thang máy, hệ thống điện chiếu sáng trong nhà... (dịch vụ) cho Sở Chỉ huy Quân khu với DTNS được giao 45 tỷ đồng thuộc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (Tur lệnh Quân khu 2 có trách nhiệm trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt nhiệm vụ mua sắm);

b) Thẩm quyền quyết định mua sắm thiết bị CNTT không cần lắp đặt phục vụ công tác của đơn vị (Hoạt động ứng dụng CNTT) cho Văn phòng Bộ Tư lệnh với DTNS được giao 15 tỷ đồng thuộc Tư lệnh Quân khu (Tham mưu trưởng Quân khu có trách nhiệm trình Tư lệnh Quân khu phê duyệt nhiệm vụ mua sắm).

2. Tại Bộ CHQS tỉnh Phú Thọ/QK2: Thẩm quyền quyết định mua sắm điều hòa, máy photocopy ... (tài sản công) cho cơ quan Bộ CHQS tỉnh với DTNS được giao 10 tỷ đồng thuộc Chỉ huy trưởng Bộ CHQS tỉnh Phú Thọ (Trưởng phòng Tham mưu có trách nhiệm trình Chỉ huy trưởng Bộ CHQS tỉnh Phú Thọ phê duyệt nhiệm vụ mua sắm).

3. Tại Ban CHQS huyện Lâm Thao/Bộ CHQS tỉnh Phú Thọ/QK2:

a) Thẩm quyền quyết định sửa chữa máy móc, thiết bị... (dịch vụ) của Hội trường Ban CHQS huyện với DTNS được giao 06 tỷ đồng thuộc Chỉ huy trưởng Bộ CHQS tỉnh Phú Thọ (Chỉ huy trưởng Ban CHQS huyện có trách nhiệm trình Chỉ huy trưởng Bộ CHQS tỉnh Phú Thọ phê duyệt nhiệm vụ mua sắm);

b) Thẩm quyền quyết định mua sắm vật liệu, nhiên liệu, văn phòng phẩm... (vật tiêu hao) phục vụ cơ quan với DTNS được giao 01 tỷ đồng thuộc Chỉ huy trưởng Ban CHQS huyện Lâm Thao (Trưởng ban Hậu cần - Kỹ thuật có trách nhiệm trình Chỉ huy trưởng Ban CHQS huyện Lâm Thao phê duyệt nhiệm vụ mua sắm).

4. Tại Lữ đoàn Thông tin 604/QK2:

a) Thẩm quyền quyết định mua sắm bàn, ghế làm việc, tủ đựng tài liệu... (tài sản công) cho cơ quan Lữ đoàn với DTNS được giao là 46 tỷ đồng thuộc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn Thông tin 604 có trách nhiệm trình Tư lệnh Quân khu thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt nhiệm vụ mua sắm);

b) Thẩm quyền quyết định mua sắm phần mềm thương mại (bao gồm cập nhật bản quyền phần mềm thương mại) ... (Hoạt động ứng dụng CNTT) cho cơ quan Lữ đoàn với DTNS được giao 04 tỷ đồng thuộc Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn 604 (Trưởng phòng Tham mưu có trách nhiệm trình Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn Thông tin 604 phê duyệt nhiệm vụ mua sắm).

Ví dụ 3 (tại Quân đoàn 12):

I. Tình hình phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước

Triển khai, thực hiện Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc giao DTNS năm 2025, Quân đoàn 12 được giao DTNS thực hiện mua sắm tài sản công, vật tiêu hao, dịch vụ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) là 300 tỷ đồng.

1. Tư lệnh Quân đoàn 12 (đơn vị dự toán cấp 2) quyết định phân bổ, giao DTNS như sau:

a) Giao DTNS tại bản thân là 70 tỷ đồng, trong đó, quyết định sử dụng DTNS tại bản thân như sau: (1) Bộ Tham mưu (Phòng Tác chiến) mua sắm bàn ghế, máy tính, loa âm thanh, máy chiếu... (tài sản công) Hội trường Quân đoàn với DTNS là 50 tỷ đồng và sửa chữa hệ thống thang máy, sửa chữa trang thiết bị...(dịch vụ) Sở Chỉ huy Quân đoàn với DTNS là 17 tỷ đồng; (2) Phòng Khoa học quân sự Quân đoàn thực hiện mua sắm máy tính, máy in, các loại máy nghiên cứu...(tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước) với DTNS là 03 tỷ đồng;

b) Giao DTNS cho các đơn vị trực thuộc thực hiện mua sắm là 230 tỷ đồng, trong đó: Giao DTNS cho Sư đoàn 325 là 100 tỷ đồng, Lữ đoàn 203 là 50 tỷ đồng.

2. Sư đoàn trưởng Sư đoàn 325 (đơn vị dự toán cấp 3)/Quân đoàn 12 quyết định phân bổ, giao DTNS như sau:

a) Giao DTNS tại bản thân là 40 tỷ đồng, trong đó, quyết định sử dụng DTNS tại bản thân như sau: (1) Phòng Tham mưu mua sắm máy tính, máy in, điều hòa...(tài sản công) cho Cơ quan Sư đoàn với DTNS là 27 tỷ đồng và mua sắm thiết bị phần cứng để sửa chữa, thay thế thiết bị thông tin hiện có...(Hoạt động ứng dụng CNTT) cho cơ quan Sư đoàn với DTNS là 10 tỷ đồng; (2) Phòng Hậu cần - Kỹ thuật sửa chữa xe ô tô 16 chỗ phục vụ công tác chung (dịch vụ) của Sư đoàn với DTNS là 03 tỷ đồng;

b) Giao DTNS cho các đơn vị trực thuộc thực hiện nhiệm vụ mua sắm là 60 tỷ đồng, trong đó, giao DTNS cho Trung đoàn 95 là 4,5 tỷ đồng.

3. Trung đoàn trưởng Trung đoàn 95 (đơn vị dự toán cấp 4)/Sư đoàn 325 quyết định sử dụng DTNS được giao như sau: Ban Hậu cần - Kỹ thuật trực tiếp quản lý, sử dụng với DTNS là 4,5 tỷ đồng để mua sắm nhiên liệu, thuốc, vật tư, vật liệu, văn phòng phẩm...(vật tiêu hao) phục vụ hoạt động Trung đoàn.

4. Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn 203 (đơn vị dự toán cấp 4 trực thuộc đơn vị dự toán cấp 2)/Quân đoàn 12 quyết định sử dụng DTNS được giao như sau: (1) Phòng Chính trị thực hiện mua sắm màn hình led, máy chiếu, tivi...(tài sản công) cho cơ quan Lữ đoàn với DTNS là 32 tỷ đồng; (2) Phòng Tham mưu mua sắm dự phòng, thay thế các thiết bị phần cứng thuộc hệ thống đường truyền dữ liệu thông tin hiện có...(Hoạt động ứng dụng CNTT) cho cơ quan Lữ đoàn với DTNS là 14 tỷ đồng; (3) Phòng Hậu cần - Kỹ thuật sửa chữa, lắp đặt thiết bị chiếu sáng hệ thống điện mạng ngoài, ... (dịch vụ) cho cơ quan Lữ đoàn với DTNS là 04 tỷ đồng.

II. Về thẩm quyền quyết định mua sắm

Theo quy định tại Quyết định số /QĐ-BQP ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thì thẩm quyền quyết định mua sắm như sau:

1. Tại BTL Quân đoàn 12:

a) Thẩm quyền quyết định mua sắm bàn ghế, máy tính, loa âm thanh, máy chiếu... (tài sản công) Hội trường Quân đoàn với DTNS được giao 50 tỷ đồng thuộc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (Tur lệnh Quân đoàn có trách nhiệm trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt nhiệm vụ mua sắm);

b) Thẩm quyền quyết định sửa chữa hệ thống thang máy, sửa chữa trang thiết bị... (dịch vụ) Sở Chỉ huy Quân đoàn với DTNS được giao 17 tỷ đồng thuộc Tur lệnh Quân đoàn 12 (Tham mưu trưởng Quân đoàn có trách nhiệm trình Tur lệnh Quân đoàn phê duyệt nhiệm vụ mua sắm);

c) Thẩm quyền quyết định mua sắm máy tính, máy in, các loại máy nghiên cứu (tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước) với DTNS được giao 03 tỷ đồng thuộc Tur lệnh Quân đoàn 12 (Trưởng phòng Khoa học quân sự Quân đoàn có trách nhiệm trình Tur lệnh Quân đoàn phê duyệt nhiệm vụ mua sắm).

2. Tại Sư đoàn 325/Quân đoàn 12:

a) Thẩm quyền quyết định mua sắm máy tính, máy in, điều hòa ... (tài sản công) cho cơ quan Sư đoàn với DTNS được giao 27 tỷ đồng thuộc Tur lệnh Quân đoàn 12 (Sư đoàn trưởng Sư đoàn 325 có trách nhiệm trình Tur lệnh Quân đoàn phê duyệt nhiệm vụ mua sắm);

b) Thẩm quyền quyết định mua sắm thiết bị phần cứng để sửa chữa, thay thế thiết bị thông tin hiện có... (Hoạt động ứng dụng CNTT) cho cơ quan Sư đoàn với DTNS được giao 10 tỷ đồng thuộc Sư đoàn trưởng Sư đoàn 325 (Tham mưu trưởng Sư đoàn có trách nhiệm trình Sư đoàn trưởng Sư đoàn 325 phê duyệt nhiệm vụ mua sắm);

c) Thẩm quyền quyết định sửa chữa xe ô tô 16 chỗ phục vụ công tác chung (dịch vụ) của Sư đoàn với DTNS được giao 03 tỷ đồng thuộc Sư đoàn trưởng Sư đoàn 325 (Trưởng phòng Hậu cần - Kỹ thuật Sư đoàn có trách nhiệm trình Sư đoàn trưởng Sư đoàn 325 phê duyệt nhiệm vụ mua sắm).

3. Tại Trung đoàn 95/Sư đoàn 325/Quân đoàn 12: Thẩm quyền quyết định mua sắm nhiên liệu, thuốc, vật tư, vật liệu, văn phòng phẩm ... (vật tiêu hao) cho cơ quan Trung đoàn với DTNS được giao 4,5 tỷ đồng thuộc Trung đoàn trưởng Trung đoàn 95 (Trưởng ban Hậu cần - Kỹ thuật có trách nhiệm trình Trung đoàn trưởng Trung đoàn 95 phê duyệt nhiệm vụ mua sắm).

4. Tại Lữ đoàn 203/Quân đoàn 12:

a) Thẩm quyền quyết định mua sắm màn hình led, máy chiếu, tivi... (tài sản công) cho cơ quan Lữ đoàn với DTNS được giao 32 tỷ đồng thuộc Tur lệnh Quân đoàn 12 (Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn 203 có trách nhiệm trình Tur lệnh Quân đoàn 12 phê duyệt nhiệm vụ mua sắm);

b) Thẩm quyền quyết định mua sắm dự phòng, thay thế các thiết bị phần cứng thuộc hệ thống đường truyền dữ liệu thông tin hiện có ... (Hoạt động ứng dụng CNTT)

với DTNS được giao 14 tỷ đồng và sửa chữa lắp đặt thiết bị chiếu sáng hệ thống điện mạng ngoài, ... (dịch vụ) với DTNS được giao 04 tỷ đồng thuộc Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn 203 (Trưởng phòng Tham mưu, Trưởng phòng Hậu cần - Kỹ thuật có trách nhiệm trình Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn 203 phê duyệt nhiệm vụ mua sắm).

Ví dụ 4 (tại Học viện Kỹ thuật Quân sự):

I. Tình hình phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước

Triển khai, thực hiện Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc giao DTNS năm 2025, Học viện Kỹ thuật Quân sự được giao DTNS thực hiện mua sắm tài sản công, vật tiêu hao, dịch vụ, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) là 100 tỷ đồng.

Giám đốc Học viện quyết định sử dụng DTNS được giao như sau:

(1) Phòng Chính trị thực hiện mua sắm vật tư, văn phòng phẩm... (vật tiêu hao) cho Học viện với DTNS là 500 triệu đồng;

(2) Phòng Đào tạo thực hiện mua sắm thiết bị là các mô hình ứng dụng công nghệ cao (tài sản công) cho Phòng học thông minh của Học viện với DTNS là 50 tỷ đồng;

(3) Phòng Hậu cần - Kỹ thuật thực hiện sửa chữa máy móc, trang thiết bị (dịch vụ) cho Hội trường Học viện với DTNS là 10 tỷ đồng;

(4) Phòng Khoa học quân sự thực hiện mua sắm tài sản trang bị, vật tiêu hao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước với DTNS là 35 tỷ đồng.

II. Về thẩm quyền quyết định mua sắm

Theo quy định tại Quyết định số /QĐ-BQP ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thì thẩm quyền quyết định mua sắm như sau:

a) Thẩm quyền quyết định mua sắm thiết bị là các mô hình ứng dụng công nghệ cao (tài sản công) cho Phòng học thông minh của Học viện với DTNS được giao 50 tỷ đồng thuộc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (Giám đốc Học viện có trách nhiệm trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt nhiệm vụ mua sắm);

b) Thẩm quyền quyết định mua sắm vật tư, văn phòng phẩm... (vật tiêu hao) với DTNS được giao 500 triệu đồng; sửa chữa máy móc, trang thiết bị (dịch vụ) cho Hội trường với DTNS được giao là 10 tỷ đồng; mua sắm tài sản trang bị, vật tiêu hao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước với DTNS được giao 35 tỷ đồng thuộc Giám đốc Học viện (Trưởng phòng các Phòng: Chính trị, Hậu cần - Kỹ thuật, Khoa học quân sự có trách nhiệm trình Giám đốc Học viện phê duyệt nhiệm vụ mua sắm)./.